

Số: 58 /TB-UBND

Chương Mỹ, ngày 04 tháng 02 năm 2023

THÔNG BÁO

V/v công bố công khai Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Chương Mỹ

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy chi tiết thi hành luật đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 02/02/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy chi tiết thi hành luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 02/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 02/02/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Chương Mỹ.

UBND huyện Chương Mỹ công bố công khai toàn bộ tài liệu Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Chương Mỹ tại UBND huyện, địa chỉ: 102 Bắc Sơn, thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội và trên Cổng thông tin điện tử của huyện Chương Mỹ có địa chỉ <http://chuongmy.hanoi.gov.vn>.

1. Hồ sơ công bố công khai gồm có:

- Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 02/02/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Chương Mỹ.
- Báo cáo thuyết minh tổng hợp;
- Bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Chương Mỹ.

2. Giao Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện đưa toàn bộ tài liệu Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 lên trang thông tin điện tử của huyện Chương Mỹ, phối hợp đăng tin việc công bố công khai Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Chương Mỹ.

3. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Văn phòng HĐND và UBND huyện công bố công khai nội dung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Chương Mỹ tại trụ sở làm việc của UBND huyện trong suốt thời gian thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

4. Giao UBND các xã, thị trấn công bố công khai nội dung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Chương Mỹ có liên quan đến các xã, thị trấn tại trụ sở làm việc của UBND các xã, thị trấn.

Niêm yết, công bố công khai hồ sơ kế hoạch sử dụng đất năm 2023 tại trụ sở UBND xã, thị trấn trong suốt thời gian thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện, đã được UBND Thành phố phê duyệt và đăng tin việc công bố công khai Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Chương Mỹ trên đài truyền thanh của xã, thị trấn.

Hồ sơ công bố công khai tại trụ sở UBND xã, thị trấn gồm có: Quyết định phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện, thành phố và Danh mục các dự án công trình phải thực hiện năm 2023 trên địa bàn xã, thị trấn theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện đã được UBND Thành phố phê duyệt.

5. Các đơn vị, tổ chức, cá nhân trên địa bàn huyện căn cứ nội dung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã được UBND thành phố phê duyệt, có trách nhiệm tổ chức thực hiện.

(Gửi kèm Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 02/02/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Chương Mỹ)

UBND huyện Chương Mỹ trân trọng công bố, thông báo đến toàn bộ tổ chức, cá nhân trên địa bàn huyện được biết./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố Hà Nội;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- TT Huyện ủy; TT HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT.UBND huyện;
- Chánh, các Phó Chánh Văn phòng;
- Các phòng, ban, đoàn thể, đơn vị của huyện;
- Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện;
- Các xã, thị trấn trên địa bàn huyện;
- Các tổ chức, cá nhân có liên quan;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trịnh Duy Oai

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **749** /QB-UBND

Hà Nội, ngày **02** tháng **02** năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Chương Mỹ

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai 2013; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND Thành phố thông qua Danh mục các dự án thu hồi đất; dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2023 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 475/TTr-STNMT-QHKHSDĐ ngày 18 tháng 01 năm 2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. 1. Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Chương Mỹ (kèm theo Bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 tỷ lệ 1/25.000 và Báo cáo thuyết minh tổng hợp Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Chương Mỹ, được Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 18 tháng 01 năm 2023), với các nội dung chủ yếu như sau:

a) Diện tích các loại đất phân bổ trong năm 2023

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
(1)	(2)	(3)	(6)
	Tổng diện tích tự nhiên		23.747,72
1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	NNP	16.030,89
1.1	Đất trồng lúa	LUA	8.295,50



STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
(1)	(2)	(3)	(6)
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	7.545,51
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.122,27
1.3	Đất trồng cây lâu năm	LNC	3.492,92
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	12,45
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	37,50
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	617,86
	<i>Trong đó đất rừng tự nhiên sản xuất</i>	RSN	3,04
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1.537,29
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	915,11
2	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	PNN	7.578,70
2.1	Đất quốc phòng	CQP	519,68
2.2	Đất an ninh	CAN	31,71
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	141,74
2.4	Đất khu chế xuất	SKT	-
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	94,64
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	22,07
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	204,07
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	4,83
2.9	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	60,44
2.10	Đất phát triển hạ tầng	DHT	3.786,00
	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	DVH	8,17
	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	DYT	13,02
	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục</i>	DGD	169,14
	<i>Đất xây dựng cơ sở thể thao</i>	DTT	231,01
	<i>Đất kho dự trữ quốc gia</i>	DKG	-
	<i>Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ</i>	DKH	-
	<i>Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội</i>	DXH	54,15
	<i>Đất giao thông</i>	DGT	2.219,05
	<i>Đất thủy lợi</i>	DTL	633,37
	<i>Đất công trình năng lượng</i>	DNL	8,18
	<i>Đất công trình bưu chính viễn thông</i>	DBV	11,42
	<i>Đất chợ</i>	DCH	9,23
	<i>Đất có di tích lịch sử văn hóa</i>	DDT	15,46
	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	RAC	77,46
	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	TON	63,56
	<i>Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, HT</i>	NTD	272,77
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-
2.12	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.597,10
2.13	Đất ở tại đô thị	ODT	180,17
2.14	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	24,74
2.15	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	22,61
2.16	Đất cơ sở ngoại giao	DNG	-

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
(1)	(2)	(3)	(6)
2.17	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	28,35
2.18	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	8,98
2.19	Đất cơ sở tín ngưỡng	TTN	64,17
2.20	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	413,90
2.21	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	370,70
2.22	Đất phi nông nghiệp còn lại	PNK	2,81
3	ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG	BCS	138,12

b) Kế hoạch thu hồi đất năm 2023

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
1	Đất nông nghiệp	NNP	331,66
1.1	Đất trồng lúa	LUA	176,06
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>176,06</i>
	<i>Đất trồng lúa nước còn lại</i>	<i>LUK</i>	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	106,27
1.3	Đất trồng cây lâu năm	LNC	41,49
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	0,50
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	5,80
	<i>Trong đó đất rừng tự nhiên sản xuất</i>	<i>RSN</i>	
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	1,55
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	13,97
2.1	Đất quốc phòng	CQP	1,20
2.2	Đất an ninh	CAN	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	
2.4	Đất phát triển hạ tầng	DHT	3,00
	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>0,74</i>
	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	
2.5	Đất ở tại nông thôn	ONT	
2.6	Đất ở tại đô thị	ODT	7,15
2.7	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,80
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	0,23
2.9	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	1,59

c) Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	335,54

1.1	Đất trồng lúa	LUN/PNN	175,28
	<i>Đất trồng lúa nước còn lại</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>175,28</i>
1.2	Đất trồng cây lâu năm	HNK/PNN	106,24
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	46,19
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	0,50
1.3	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	-
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	5,80
1.5	Đất nông nghiệp khác	NCL/PNN	1,55
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		-
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	-
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	LUA/LNP	-
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS	-
2.4	Đất trồng lúa chuyển sang Trong đó đất rừng tự nhiên sản xuất	LUA/RSN	-
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS	-
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang Trong đó đất rừng tự nhiên sản xuất	HNK/RSN	-
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RPH/NKR ^(a)	-
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/NKR ^(a)	-
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR ^(a)	-
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	-

d) 3.4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2023

Trong năm kế hoạch sử dụng đất 2023, huyện Chương Mỹ không đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng cho các mục đích sử dụng đất nông nghiệp và phi nông nghiệp.

e) Danh mục các công trình, dự án:

Danh mục các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Chương Mỹ, bao gồm 164 dự án, diện tích khoảng 531,02 ha.

(Chi tiết danh mục kèm theo)

2. Trong năm thực hiện, UBND huyện Chương Mỹ có trách nhiệm rà soát, đánh giá, khả năng thực hiện các dự án trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, trường hợp cần điều chỉnh hoặc phát sinh yêu cầu sử dụng đất để thực hiện các dự án phát triển kinh tế xã hội quan trọng cấp bách vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, dự án dân sinh bức xúc mà chưa có trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Chương Mỹ đã được UBND Thành phố phê duyệt thì tổng hợp, báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, trình UBND Thành phố trước ngày 31/5/2023.

Điều 2. Căn cứ Điều 1 Quyết định này, UBND Thành phố giao:

1. UBND huyện Chương Mỹ:

- a) Tổ chức công bố, công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;
- b) Thực hiện thu hồi đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt;
- c) Chịu trách nhiệm về điều kiện, quy mô, diện tích và sự phù hợp với quy hoạch đô thị, quy hoạch có liên quan đến từng vị trí thửa đất đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất vườn ao liền kề trong cùng một thửa đất đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang đất ở đảm bảo đúng quy định;
- d) Tổ chức kiểm tra thực hiện kế hoạch sử dụng đất; phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm kế hoạch sử dụng đất; tăng cường kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện kế hoạch sử dụng đất đảm bảo tính khả thi của Kế hoạch sử dụng đất năm 2023;
- d) Tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất, chặt chẽ, đảm bảo các chỉ tiêu sử dụng đất đã được UBND Thành phố phê duyệt;
- e) Cân đối xác định các nguồn vốn để thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, đảm bảo tính khả thi của kế hoạch sử dụng đất;
- f) Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất trước ngày 15/9/2023.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- a. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất;
- b. Tổng hợp báo cáo UBND Thành phố kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn Thành phố đến ngày 01/10/2023.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở, ban, ngành của Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Chương Mỹ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT Thành ủy;
- TT HĐND TP;
- UB MTTQ TP;
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- VPUB: PCVP Cù Ngọc Trang, P.TNMT;
- Lưu VT, TNMT.

3644 - 6

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Đông